

Số: 56/QĐ-ĐHNL

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về đào tạo song ngành trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Nghị quyết số 50/NQ-HĐĐH ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1837/QĐ-ĐHH ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về đào tạo song ngành trình độ đại học hệ chính quy tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 774/QĐ-ĐHNL ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc ban hành quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo song ngành trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *[Chữ ký]*

#### Nơi nhận:

- Như "Điều 3";
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT&CTSV, NVC.

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
NÔNG LÂM  
*[Chữ ký]*

Trần Thanh Đức

## QUY ĐỊNH

Về Đào tạo song ngành trình độ đại học hệ chính quy  
tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  
(Kèm theo Quyết định số: 561/QĐ-ĐHNL ngày 21 tháng 8 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc tổ chức và quản lý đào tạo song ngành (học cùng lúc hai chương trình) đối với sinh viên trình độ đại học chính quy đang học tại các cơ sở đào tạo trực thuộc Đại học Huế có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình đào tạo thứ hai tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế (sau đây gọi chung là Trường).

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân liên quan trong đào tạo song ngành trình độ đại học theo hình thức chính quy của Trường.

##### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đào tạo song ngành là phương thức tổ chức học cùng lúc hai chương trình đào tạo.

2. Nguyên tắc đặt tên chương trình đào tạo song ngành: Tên ngành thứ nhất-Tên ngành thứ hai. Tên ngành thuộc danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các danh mục khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Chương trình đào tạo ngành thứ nhất: Là chương trình đào tạo được thiết kế cho ngành thứ nhất sinh viên trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh.

4. Chương trình đào tạo ngành thứ hai: Là chương trình đào tạo được thiết kế cho ngành thứ hai sinh viên đăng ký học song ngành.

5. Sinh viên học song ngành là sinh viên có nhu cầu đăng ký xét tuyển chương trình đào tạo song ngành theo đề án tuyển sinh hàng năm của đơn vị đào tạo, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của hai ngành đào tạo. Trong quá trình học tập, sinh viên đáp ứng kiến thức, kỹ năng của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành thứ nhất, được cấp văn bằng đại học ngành thứ nhất. Sinh viên đáp ứng kiến thức, kỹ năng của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành thứ hai, được cấp văn bằng đại học ngành thứ hai.

### **Điều 3. Mục tiêu**

1. Tăng cường liên thông, liên kết, phát huy thế mạnh liên ngành đào tạo trình độ đại học giữa các ngành thuộc Trường, cũng như giữa Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế và các cơ sở đào tạo khác của Đại học Huế.

2. Mở rộng, nâng cao hiệu quả tổ chức triển khai phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ nhằm mục tiêu đa dạng hoá các hình thức đào tạo, giúp người học có nhiều lựa chọn và nâng cao kiến thức, kỹ năng, thái độ và liên ngành đáp ứng nhu cầu xã hội.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 4. Nội dung, cấu trúc và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo song ngành**

1. Nội dung chương trình:

a) Chương trình đào tạo song ngành là sự kết hợp giữa hai chương trình đào tạo thuộc hai ngành đào tạo khác nhau.

b) Chương trình đào tạo song ngành phải đảm bảo chuẩn đầu ra của người học sau khi tốt nghiệp của hai chương trình đào tạo và phù hợp với khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định hiện hành.

2. Cấu trúc chương trình: Chương trình đào tạo song ngành được cấu trúc từ các thành phần cụ thể sau:

a) Chương trình đào tạo ngành thứ nhất có khối lượng kiến thức theo quy định;

b) Chương trình đào tạo ngành thứ hai có khối lượng kiến thức tối thiểu là 30 tín chỉ không bao gồm các tín chỉ trùng nhau và được công nhận tương đương giữa hai chương trình phù hợp với quy định hiện hành;

c) Việc công nhận chuyển đổi tín chỉ giữa các đơn vị đào tạo phải đảm bảo kết quả đối sánh chuẩn đầu ra môn học/nhóm học phần, chương trình đào tạo hoặc được thực hiện dựa trên văn bản thoả thuận của thủ trưởng các đơn vị đào tạo;

d) Khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức bổ trợ, thực tập, khoá luận tốt nghiệp có thể được các đơn vị đào tạo xem xét công nhận chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo theo quy định của Đại học Huế.

3. Xây dựng chương trình đào tạo thực hiện theo Quyết định số 581/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Đại học Huế ban hành quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ tại Đại học Huế.

#### **Điều 5. Chỉ tiêu đào tạo**



Chỉ tiêu đào tạo dựa trên chỉ tiêu đại học chính quy hàng năm của Trường được Đại học Huế xác định theo quy định hiện hành.

### **Chương III**

## **ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH**

#### **Điều 6. Điều kiện đăng ký học song ngành**

1. Sinh viên đăng ký học song ngành là sinh viên đang học đại học chính quy tập trung tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế;

2. Sinh viên được đăng ký học ngành thứ hai sớm nhất khi đã hoàn thành năm học đầu tiên của chương trình đào tạo ngành thứ nhất và muộn nhất 02 năm trước thời điểm hết thời gian đào tạo tối đa của khoá học đối với ngành thứ nhất. Đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

a) Ngành đào tạo thứ hai phải khác ngành đào tạo thứ nhất;

b) Áp dụng một trong hai điều kiện sau:

- Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá (điểm trung bình tích lũy từ 2.50) trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của ngành thứ hai trong cùng năm tuyển sinh.

- Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình (điểm trung bình tích lũy từ 2.00 đến 2.49) và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của ngành thứ hai trong năm tuyển sinh.

#### **Điều 7. Đăng ký, phê duyệt hồ sơ đào tạo song ngành**

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đăng ký đào tạo song ngành (phụ lục I);

b) Chương trình đào tạo song ngành: xây dựng theo mẫu quy định (phụ lục II).

2. Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành

a) Giám đốc Đại học Huế phê duyệt hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành của các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế và giữa các đơn vị đào tạo;

b) Thủ trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt về nội dung và phương thức tổ chức đào tạo song ngành trong cùng một đơn vị đào tạo.

3. Quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành

a) Đơn vị đào tạo có hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Đại học Huế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này gửi 02 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về Đại học Huế đề nghị phê duyệt hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành;

b) Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ

sơ hợp lệ, Đại học Huế (thông qua Ban Đào tạo và Công tác sinh viên) thẩm định hồ sơ. Căn cứ trên hồ sơ hoàn thiện của đơn vị đào tạo đáp ứng quy định tại khoản 1 điều này, Đại học Huế có văn bản phê duyệt hồ sơ theo quy định.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP**

#### **Điều 8. Tổ chức đào tạo**

1. Sinh viên học song ngành theo thời gian tổ chức giảng dạy đại học hệ chính quy tập trung hoặc theo thời gian thống nhất giữa Trường với các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.

2. Những sinh viên đăng ký học song ngành, tùy theo tình hình thực tế, Trường bố trí học theo một trong hai phương thức sau:

+ Tổ chức lớp học riêng;

+ Tổ chức học ghép cùng các lớp chính khóa theo kế hoạch của Trường.

3. Công tác tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Trong thời gian học song ngành, sinh viên phải luôn đảm bảo khối lượng học tập và không được bảo lưu kết quả của chương trình đào tạo ngành thứ nhất, không xếp loại học lực dưới mức trung bình, không nằm trong diện bị cảnh báo học vụ hoặc đình chỉ của một trong hai chương trình đào tạo. Sinh viên không duy trì được điều kiện này phải dừng học chương trình đào tạo ngành thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

5. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học song ngành là thời gian tối đa quy định cho chương trình đào tạo ngành thứ nhất;

6. Tùy theo mức độ tương đương giữa các môn học trong hai chương trình đào tạo khi tham gia đào tạo song ngành, sinh viên được bảo lưu điểm và chuyển những tín chỉ của các môn học tương đương đã hoàn thành của ngành học thứ nhất để được công nhận tích lũy trong chương trình đào tạo của ngành học thứ hai;

#### **Điều 9. Học phí và quyền lợi**

1. Sinh viên học chương trình đào tạo ngành thứ hai phải nộp mức học phí theo quy định của Trường với chương trình đào tạo ngành thứ hai. Sinh viên không được miễn giảm học phí khi học chương trình đào tạo ngành thứ hai.

2. Sinh viên học chương trình đào tạo ngành thứ hai không được sử dụng kết quả học tập ở chương trình đào tạo ngành thứ hai để xét học bổng cũng như không được xem xét để hưởng các chế độ chính sách ưu tiên như sinh viên học chương trình đào tạo ngành thứ nhất.

#### **Điều 10. Tổ chức đăng ký khối lượng học tập**

- Khoa/Bộ môn quản lý chương trình đào tạo ngành thứ hai phân công cố vấn học tập đối với các sinh viên học song ngành của khoa. Cố vấn học tập có trách nhiệm hướng dẫn cho sinh viên đăng ký các học phần của ngành thứ hai theo quy định và kế hoạch của Trường.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập ngành thứ nhất, sinh viên phải đăng ký học các học phần của ngành thứ hai theo kế hoạch của Trường. Trường hợp sinh viên không đăng ký bất cứ một học phần nào phải có đơn nêu rõ lý do chính đáng và gửi về phòng Đào tạo và Công tác sinh viên trước khi bắt đầu học kỳ.

#### **Điều 11. Quản lý điểm, kết quả học tập**

1. Sử dụng kết quả học tập các học phần thuộc ngành thứ nhất để làm căn cứ xét kết quả học tập của sinh viên (như cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học,...).

Điểm các học phần riêng của ngành thứ hai không dùng để tính điểm trung bình học kỳ, trung bình tích lũy cho ngành thứ nhất, không dùng để xét học bổng mà chỉ để tính điểm trung bình học kỳ, trung bình tích lũy cho ngành thứ hai.

2. Khi học ngành thứ hai sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình ngành thứ nhất.

3. Cách tính điểm học phần và đánh giá học phần của ngành thứ hai được áp dụng theo quy định về đào tạo tín chỉ của Trường ban hành theo Quyết số: 774/QĐ-ĐHNL ngày 22 tháng 11 năm 2021.

4. Sinh viên học song ngành chỉ được thực tập tốt nghiệp ngành thứ hai sau khi đã hoàn thành học phần thực tập tốt nghiệp thuộc ngành thứ nhất.

### **Chương V**

### **XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 12. Khoá luận tốt nghiệp**

1. Sau khi hoàn thành các học phần trong chương trình học ngành thứ hai, sinh viên đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp.

2. Việc thực hiện khoá luận tốt nghiệp, tổ chức đánh giá khoá luận tốt nghiệp thực hiện theo quy định về đào tạo tín chỉ của Trường ban hành theo Quyết số: 774/QĐ-ĐHNL ngày 22 tháng 11 năm 2021.

#### **Điều 13. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo đã quy định tại Điều 8 Quy định này, điều kiện tiên quyết để xét tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành thứ hai là sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành thứ nhất.

2. Việc cấp bằng tốt nghiệp thực hiện theo quy định về đào tạo tín chỉ của Trường ban hành theo Quyết số: 774/QĐ-ĐHNL ngày 22 tháng 11 năm 2021, quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy chế văn bằng chứng chỉ hiện hành của Đại học Huế

3. Có đơn gửi về phòng Đào tạo và Công tác sinh viên đề nghị được xét công nhận tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

## **Chương VI** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị trong trường**

1. Lãnh đạo các khoa và các đơn vị có liên quan thuộc Trường có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể cán bộ, viên chức thuộc đơn vị để biết và thực hiện; chủ trì và phối hợp thực hiện các công tác theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định của đơn vị.

2. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành và gửi về Đại học Huế trước tháng 6 hằng năm.

### **Điều 15. Điều khoản thi hành**

Quy định này có hiệu lực theo quyết định ban hành và áp dụng từ năm học 2024 - 2025 trở về sau.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, các đơn vị, viên chức và sinh viên kịp thời phản ánh về Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên để báo cáo Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.

**Phụ lục I**

**TỜ TRÌNH ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO SONG NGÀNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNL ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế)*

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ TRÌNH**  
**ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO SONG NGÀNH**

Kính gửi: .....

**1. Sự cần thiết của hồ sơ đào tạo song ngành**

Lý do đăng ký đào tạo song ngành.

Trình bày kết quả các nghiên cứu khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của các ngành đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ.

Trình bày kết quả của các hội thảo do đơn vị đào tạo tổ chức hoặc các Hội thảo do các đơn vị khác tổ chức mà đơn vị đào tạo có tham gia báo cáo về chương trình hoặc bảng tổng hợp kết quả khảo sát, lấy ý kiến cho chương trình đào tạo song ngành.

Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

**2. Thực tế triển khai tại Việt Nam hoặc trên thế giới**

Tình hình đào tạo ở Việt Nam

Đánh giá chung về tình hình đào tạo của các ngành tại một số đơn vị đào tạo ở Việt Nam.

Thống kê một số chương trình đào tạo song ngành của các đơn vị đào tạo ở Việt Nam.

TT	Đơn vị đào tạo	Tên ngành/ chuyên ngành	Bậc đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Ghi chú

Tình hình đào tạo trên thế giới

Đánh giá chung về tình hình đào tạo của các ngành trên thế giới.

Thống kê một số chương trình đào tạo song ngành tại các đơn vị đào tạo nước

ngoài.

TT	Tên nước	Đơn vị đào tạo	Tên ngành/ chuyên ngành	Bậc đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ website

### 3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo song ngành

Ghi rõ tên chương trình/ngành, mã ngành đào tạo

Tóm tắt về cấu trúc các chương trình đào tạo song ngành: Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ), thời gian đào tạo.

TT	Chương trình	Ngành thứ nhất	Song ngành cùng khối ngành	Song ngành khác khối ngành

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo song ngành trong 5 năm đầu:

Tóm tắt về cách thức triển khai đào tạo song ngành.

### 4. Kết luận và đề nghị

Các đơn vị đào tạo cần khẳng định việc đầu tư để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với hồ sơ đào tạo song ngành.

Đề nghị: ...

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký, Họ tên)

## Phụ lục II

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNL ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế)

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):
3. Trình độ đào tạo:
4. Định hướng đào tạo:
5. Mã ngành đào tạo:
6. Thời gian đào tạo:
7. Loại hình đào tạo:

#### B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Mục tiêu đào tạo

###### 1.1. Mục tiêu chung (viết tối đa 50 từ)

*(tuyên bố tổng quát về lý tồn tại của chương trình đào tạo, trong đó xác định mục tiêu tổng quát của chương trình đào tạo: năng lực về kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp... cấp độ một -X)*

###### 1.2. Mục tiêu cụ thể (viết tối đa 100 từ)

*(cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, bao gồm các chủ đề chuẩn đầu ra cấp độ hai [X.x])*

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kiến thức

Kỹ năng

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

##### 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

*(bao gồm các chủ đề chuẩn đầu ra cấp độ ba X.x.x và trình độ năng lực yêu cầu – theo thang 6 bậc của Bloom)*

*Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm)*

<b>Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>Trình độ năng lực</b>
<b>1</b>	<b>Kiến thức</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế</b>	
1.1.1		
...		
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo</b>	
1.2.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức chung cho nhóm ngành</b>	
1.3.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
<b>1.4</b>	<b>Kiến thức ngành/chuyên ngành và bổ trợ</b>	
1.4.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
<b>1.5</b>	<b>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp/Luận văn</b>	
1.5.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
<b>2.</b>	<b>Kỹ năng</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề</b>	
2.1.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...	...	
<b>2.2</b>	<b>Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức</b>	
2.2.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
<b>2.3</b>	<b>Kỹ năng tư duy hệ thống</b>	
2.3.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
<b>2.4</b>	<b>Kỹ năng nghề nghiệp</b>	
2.4.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
<b>3</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>3.1</b>	<b>Tự chủ và trách nhiệm cá nhân</b>	
3.1.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...	...	
<b>3.2</b>	<b>Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp</b>	
3.2.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...	...	

3.3	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội	
Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
3.3.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...	...	

### 3. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)

#### 4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

#### 5. Cấu trúc của chương trình đào tạo

##### 5.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

TT	Các khối kiến thức	Chương trình đào tạo ngành thứ nhất		Chương trình đào tạo song ngành (CTĐT 2)				Công nhận chuyển đổi(*)
				Cùng khối ngành		Khác khối ngành		
		TC	%	TC	%	TC	%	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương							X
II	Khối kiến thức cơ sở ngành							X
III	Kiến thức chuyên ngành							X
IV	Kiến thức bổ trợ							
V	Thực tập, khóa luận/ luận văn tốt nghiệp							
	<b>Tổng cộng</b>							

(\*): đánh dấu X nếu công nhận chuyển đổi giữa các chương trình; việc chuyển đổi được căn cứ vào từng hồ sơ cụ thể, theo các tiêu chí về tương đương nội dung cốt lõi và thời lượng giảng dạy theo quy định hiện hành.

##### 5.2. Nội dung chương trình đào tạo

###### 5.2.1 Nội dung chương trình đào tạo ngành thứ nhất (CTĐT 1)

TT	Mã HP	Tên học phần (HP)		Loại HP (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Công nhận chuyển đổi (*)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	
I		Kiến thức giáo dục đại cương						X
		Lý luận chính trị						
		Khoa học xã hội – Nhân văn - Nghệ thuật						
		Ngoại ngữ						
TT	Mã	Tên học phần (HP)		Loại HP (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Công nhận

	HP	Tiếng việt	Tiếng Anh	tự chọn)	Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	chuyển đổi (*)
		Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường						
		Kinh tế - Quản lý						
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>							X
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>							X
<b>IV</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>							
<b>V</b>	<b>Thực tập, khóa luận/ luận văn tốt nghiệp</b>							
	<b>TỔNG CỘNG</b>							

(\*): đánh dấu X nếu công nhận chuyển đổi giữa các chương trình.

### 5.2.2. Nội dung chương trình đào tạo song ngành (CTĐT 2)

5.2.2.1 Nội dung CTĐT 2\_1 (nội dung CTĐT1 khi đào tạo song ngành với các ngành cùng khối ngành với CTĐT1)

TT	Mã HP	Tên học phần (HP)		Loại HP (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ		
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>						
		Lý luận chính trị					
		Khoa học xã hội – Nhân văn					
		Ngoại ngữ					
		Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường					
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>						
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>						
<b>IV</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thực tập, khóa luận/ luận văn tốt nghiệp</b>						
	<b>Tổng số (tín chỉ)</b>						

5.2.2.2. Nội dung CTĐT 2\_2 (nội dung CTĐT1 khi đào tạo song ngành với các ngành không thuộc cùng khối ngành với CTĐT1)

TT	Mã HP	Tên học phần (HP)		Loại HP (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ		
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>						
		Lý luận chính trị					
		Khoa học xã hội – Nhân văn					
		Ngoại ngữ					
		Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường					
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>						
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>						
<b>IV</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp</b>						
	<b>Tổng số (tín chỉ)</b>						

#### 6. Cách thức đánh giá

#### 7. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra

#### 8. Kế hoạch đào tạo

Hoc kỳ	Mã HP	Tên HP	Loại HP (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Thuộc chương trình song ngành (**)	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	CTĐT 2_1	CTĐT 2_2
HK I (... TC)								
HK II (... TC)							X	X
...							X	X
							X	X

(\*\*): Đánh dấu X đối với chương trình song ngành tương ứng

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký, Họ tên)